TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-PT
Ngày: 27-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phượng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Hưng và ông Vũ Thành Long

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân sân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Đức Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Đức S, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Đức S, sinh năm 1987 tại tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1; có vợ Vũ Thị Q (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa có; nhân thân: Ngày 20/01/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản. Bị cáo tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn K1, xã K1, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- *Người liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

2. Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn K1, xã K1 huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2009, Nguyễn Đức S, sinh năm 1987 và chị Vũ Thị Q, sinh ngày 01/9/1994 ở thôn K1, xã K1, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội quen biết nhau, sau đó giữa hai người đã phát sinh tình cảm nam nữ. Thời gian đầu năm 2010, S và chị Q đã tự nguyện quan hệ tình dục với nhau N ều lần tại nhà ở của S ở thôn T, xã T1 và nhiều nơi khác trên địa bàn huyện Văn Lâm khi chị Q chưa đủ 16 tuổi. Đến khoảng tháng 3 năm 2010, khi chị Q 15 tuổi 7 tháng thì phát hiện có thai. Cả S và chị Q đều xác nhận với gia đình là yêu nhau thật lòng rồi tự nguyện quan hệ tình dục với nhau dẫn đến chị Q có thai. Đến ngày 04/4/2010 (tức ngày 20/02 Âm lịch của năm Canh Dần - 2010), hai bên gia đình không báo cáo chính quyền địa phương mà tự tổ chức cưới cho S và Q để về sinh sống với nhau như vợ chồng tại nhà ở của S tại thôn T. Ngày 11/12/2010, chị Q sinh con là cháu Nguyễn Ngọc N tại Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm. Khi đã đủ tuổi để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, ngày 11/10/2011 chị Q và S đến UBND xã T1, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến ngày 09/9/2013, chị Q tiếp tục sinh con thứ hai là cháu Nguyễn Ngọc An tại bệnh viện Đa khoa Đức Giang, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên ngày 25/12/2020 chị Q và S ly hôn theo Quyết định của Toà án nhân dân huyện Văn Lâm. Tòa án giao 02 con chung cho S trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, đến ngày 19/3/2021 chị Q làm đơn gửi Công an xã T1 tố cáo S đã quan hệ tình dục với chị Q khi chị Q chưa đủ 16 tuổi, sau đó vụ việc được chuyển đến cơ quan CSĐT - Công an huyện Văn Lâm để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Lâm đã thu thập mẫu tóc của chị Vũ Thị Q, Nguyễn Đức S và cháu Nguyễn Ngọc N để tiến hành giám định. Ngày 30/3/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Lâm ra Quyết định trưng cầu số 68 đề nghị Viện Khoa học hình sự Bộ Công an tiến hành giám định gen (ADN) để xác định huyết thống. Ngày 29/4/2021, Viện Khoa học hình sự Bộ Công an ban hành bản kết luận giám định số 2412, kết luận: cháu Nguyễn Ngọc N là con đẻ của anh Nguyễn Đức S và chị Vũ Thị Q với xác xuất 99,9999%.

Quá trình điều tra xác định: Bố mẹ của S là ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị N1 và bà nội của chị Q là bà Nguyễn Thị Thìn (lúc đó do mẹ chị Q đã mất, bố chị Q đã đi lấy vợ khác) là những người đã biết S thực hiện hành vi giao cấu với chị Q và ngày 04/4/2010 đã tổ chức đám cưới cho chị Q và S theo phong tục khi chị Q chưa dù tuổi kết hôn. Đến nay, ông G và bà Thìn đều đã chết. Tuy nhiên căn cứ theo quy định tại các Điều 148, 313, 314 của Bộ luật Hình sự năm 1999, hành vi của những người nêu trên đều không cấu thành tội phạm "Tổ chức tảo hôn", tội "Không tố giác tội phạm".

Chị Vũ Thị Q yêu cầu bị cáo S phải bồi thường tổn hại về tinh thần, sức khỏe, danh dự với tổng số tiền 350.000.000 đồng. Bị cáo S không chấp nhận bồi

thường theo yêu cầu của chị Q và đề nghị giải quyết vấn đề bồi thường theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Đức S thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản án sơ thẩm số: 04/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Tuyên bị cáo Nguyễn Đức S phạm tội "Giao cấu với trẻ em". Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức S 03 năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/01/2022, bị cáo Nguyễn Đức S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Đức S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Đức S về tội "Giao cấu với trẻ em" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Vì vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức S trong thời hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2].Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức S khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và tại cơ quan điều tra, đồng thời phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2010 đến tháng 3 năm 2010, Nguyễn Đức S là người đã thành niên đã lợi dụng quan hệ tình cảm yêu đương rồi nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với chị Vũ Thị Q - sinh năm 1994, là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi tại nhà của S ở thôn T, xã T1, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên khiến chị Q có thai. Đến ngày 11/12/2010, chị Q đã sinh cháu Nguyễn Ngọc N . Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an xác định: Cháu

Nguyễn Ngọc N là con đẻ của anh Nguyễn Đức S và chị Vũ Thị Q với xác xuất 99,999 %.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức S:

Mặc dù bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ tháng 3/2010, nhưng bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, có khung hình phạt đến 10 năm tù nên thời hiệu truy cứu trách Nhiệm hình sự là 15 năm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Bộ luật hình sự, vì vậy đến thời điểm chị Q làm đơn tố cáo, ngày 19/3/2021 là vẫn còn thời hiệu truy cứu trách Nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền được bảo vệ về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, sự phát triển bình thường của trẻ em, là khách thể được luật hình sự bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo; áp dụng đầy đủ tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Nguyễn Đức S 03 năm tù về tội "Giao cấu với trẻ em" theo điểm a, điểm d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới đó là bị cáo có bà nội là người có thành tích tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được UBND tỉnh Hưng Yên tặng Bằng khen năm 2009; bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính của gia đình.

Xét thấy bị cáo và bị hại có quan hệ tình dục là tự nguyện, sau khi bị cáo thực hiện hành vi giao cấu, hai bên tiếp tục chung sống và kết hôn với nhau, bị cáo vẫn có trách Nhiệm chăm sóc bị hại suốt quá trình chung sống và nuôi con, không chối bỏ trách Nhiệm làm cha, làm chồng, vì vậy cũng được coi là bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cùng với bị hại. Từ thời điểm phạm tội đến khi bị hại tố giác tội phạm là một khoảng thời gian rất dài (11 năm), bị hại cũng đã thành niên (từ tháng 9/2012), có đầy đủ nhận thức và năng lực hành vi nhưng cũng không yêu cầu xử lý đối với bị cáo, mặt khác còn tiếp tục sinh con chung với bị cáo; bản thân bị cáo cũng đã tự hối cải, làm ăn lương thiện, không phạm tội mới, không trốn tránh sự trừng trị của pháp luật, do đó tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà bị cáo thực hiện tại thời điểm xét xử không còn cao so với thời điểm phạm tội, nguyên tắc phát hiện tội phạm, xử lý nhanh chóng không được đảm bảo, một phần là do bị hại không tố giác kịp thời. Chỉ đến khi hai người đã ly hôn nhau, do có mâu thuẫn qua lại nên bị hại mới tố cáo hành vi phạm tội của bị cáo, điều này cho thấy việc tố cáo của bị hại có một phần là nhằm giải quyết mâu thuẫn cá nhân.

Đến thời điểm hiện tại, bị cáo và bị hại - chị Q đã ly hôn, bị cáo là người trực tiếp nuôi hai con nhỏ, không có sự cấp dưỡng nuôi con từ phía chị Q, do đó việc bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù càng dài thì càng ảnh hưởng đến việc chăm sóc các con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm một phần hình phạt cho bị cáo ở dưới mức

thấp nhất của khung hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo có thêm cơ hội chăm sóc con chung, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo: Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên không thuộc trường hợp được xem xét cho hưởng án treo và yêu cầu của bị cáo không được chấp nhận.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên toà không phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức S. Sửa Bản án sơ thẩm số 04/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên như sau:

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Giao cấu với trẻ em". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I-TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng PC10-CA tỉnh Hưng Yên;
- CQĐT, VKS, TAND (2b) huyện Văn Lâm.
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HC; VP./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Duy Phượng